NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

TÍNH KHẢ CHẤP CỦA CÂU VÀ VAI TRÒ CỦA TIÊU ĐIỂM THÔNG TIN TRONG TIẾNG VIỆT*

THE ACCEPTABILITY OF SENTENCES
AND THE ROLE OF INFORMATION FOCUS IN VIETNAMESE

NGUYỄN HỒNG CỔN
(PGS.TS; ĐH KHXH & NV, ĐHQG HN; Giảng viên thỉnh giảng Khoa tiếng Việt, Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc)

Abstract: There are grammatically correct but inacceptable sentences and on the contrary there are grammatically incorrect but acceptable sentences. To assess the acceptability of sentences it is necessary to resort to different semantic-pragmatic factors, among which the information focus is an important one. This paper investigates the role of information focus for the acceptability of Vietnamese sentences as reflected in the choice of word-order alternatives and ellipsis alternatives. The results show that under the pressure of information focus specific sentences could be considered acceptable or inacceptable in certain contexts relatively independent of their grammaticality.

Key words: acepptabiliy; grammaticality; information focus; Vietnamese sentences.

1. Đặt vấn đề

Khi dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, đặc biệt là dạy khẩu ngữ, có những câu người học nói đúng ngữ pháp nhưng không hoặc khó được chấp nhận (không khả chấp), ví dụ như câu trả lời (1c) cho câu hỏi (1a) dưới đây :

1) a. *Họ đến đây bao giờ*?

b. *Họ đến đây hôm qua*.

*c. *Hôm qua họ đến đây*. [Kí hiệu * đánh dấu các câu không hoặc khó khả chấp]

Ngược lại có những câu không chuẩn tắc về mặt ngữ pháp nếu đứng tách biệt, nhưng lại có thể được chấp nhận (khả chấp) trong một tình huống giao tiếp nhất định, như các câu trả lời (2b, 2c) của câu hỏi (2a) sau đây:

2) a. *Họ đến đây bao giờ*?

b. *Đến hôm qua*.

c. *Hôm qua*.

Câu hỏi đặt ra là, nhân tố nào chi phối tính khả chấp của một câu (phát ngôn) cụ thể như vậy?

Bài viết này thử trả lời câu hỏi trên dựa trên việc phân tích vai trò của Tiêu điểm thông tin đối với tính khả chấp của câu.

2. Tính khả chấp của câu

2.1. Bắt đầu từ Chomsky (1957), cho đến nay khi đánh giá về một câu được tạo lập trong diễn ngôn hay văn bản, các nhà ngôn ngữ học thường sử dụng hai khái niệm là tính ngữ pháp (grammaticality) và tính khả chấp (acceptability). Tính ngữ pháp được xác định bởi những gì mà ngữ pháp của một ngôn ngữ có thể có như là đầu ra cho một câu, trong khi tính khả chấp hướng đến người nói và phụ thuộc vào những gì người nói cho là phù hợp trong khi sử dụng câu đó (Bauer 2014). Khi đánh giá các câu cụ thể trong các tình huống giao tiếp (mà dưới đây đôi khi chúng tôi gọi là phát ngôn), tính ngữ pháp và tính khả chấp của câu không phải lúc nào cũng tương thích với nhau. Có những câu đúng ngữ pháp nhưng không khả chấp, như ví dụ nổi tiếng sau đây của Chomsky (1957:15):

3) *Colorless green ideas sleep furiously*. (Những tư tưởng không màu ngủ một cách giận dữ)

hoặc như một ví dụ khác không kém phần nổi tiếng của Russel:

4) *The present king of France is bald.* (Vua hiện nay của nước Pháp bị hói).

Nhưng cũng có những câu không hoàn toàn chuẩn tắc về ngữ pháp nhưng lại khả chấp, như các ví dụ của Van Dijk (1974: 44) mà tôi dẫn lại dưới đây:

5) A: *Did you hit him*?

B: *No. He me.*

6) A: *With what has the postman been murdered?*

B: *John thinks with a knife*.

7) A: *Sorry, l couldn't make it in time.*

B: *Obviously*.

Theo quy tắc ngữ pháp câu của tiếng Anh rõ ràng các phát ngôn của B như *He me* ở (5), *John thinks with a knife* ở (6) và *Obviously* ở (7) là không chuẩn , nhưng xét trong ngữ cảnh (với tư cách là các lượt lời của một đoạn thoại) thì các phát ngôn đó hoàn toàn chấp nhận được.

2.2. Như vậy, khác với tính ngữ pháp của một câu được đánh giá dựa trên các qui tắc ngữ pháp bản ngữ tồn tại vô thức trong ngữ năng của người nói, thì tính khả chấp của một câu lại được đánh giá dựa vào việc nó có được người nói sử dụng nó phù hợp với các quy tắc ngữ nghĩa hay quy ước ngữ dụng hay không. Xét theo nhân tố chi phối đánh giá tính khả chấp, các nhà nghiên cứu (Vandijk 1974, Hudson và các tác giả 1992) thường phân biệt tính khả chấp về ngữ nghĩa (semantic acceptability) và tính khả chấp về ngữ dụng (pragmatic acceptability). Tính khả chấp về ngữ nghĩa của câu liên quan đến các nguyên tắc tổ hợp ngữ nghĩa (principle of semantic compositionality) và điều kiện chân nguỵ (truth conditions). Một câu được coi là không khả chấp về mặt ngữ nghĩa nếu nó vi phạm các nguyên tắc tổ hợp ngữ nghĩa (như ví dụ của Chomsky) hoặc vi phạm điều kiện chân nguỵ (như ví dụ của Russell). Tính khả chấp về ngữ dụng của câu liên quan đến sự phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp cụ thể mà câu được sử dụng (như các ví dụ của Vandijk đã dẫn ở 5-7), hay theo cách diễn đạt của Vandijk (1974) là phù hợp với ngữ cảnh dụng học của phát ngôn. Dưới ánh sáng của ngữ dụng học hiện đại, một câu được coi là khả chấp/không khả chấp về ngữ dụng nếu nó phù hợp/không phù hợp với các nguyên tắc dụng học như: nguyên tắc hợp tác hội thoại, nguyên tắc lịch sự, lí thuyết hành động ngôn từ, lí thuyết cấu trúc thông tin, v.v.

Như vậy, trên diện rộng tính khả chấp của câu liên quan đến nhiều nhân tố ngữ nghĩa, ngữ dụng khác nhau. Ở đây chúng tôi chỉ giới hạn phạm vi xem xét vấn đề tính khả chấp của câu tiếng Việt trong mối quan hệ với một nhân tố ngữ dụng quan trọng là tiêu điểm thông tin của câu.

3. Tiêu điểm thông tin đối với tính khả chấp của câu tiếng Việt

3.1.Về khái niệm tiêu điểm thông tin của câu

Trước khi đi vào tìm hiểu vai trò của tiêu điểm thông tin đối với tính khả chấp của câu, cần thiết phải làm rõ tiêu điểm thông tin là gì?

3.1.1. Trong các tài liệu ngôn ngữ học, tiêu điểm thông tin (information focus) thường được xác định là phần mang "thông tin mới" và là phần mang "trọng tâm thông báo", mang "thông tin quan trọng nhất" trong cấu trúc thông tin của câu. (Jackendoff 1972, Dik 1981, Cao Xuân Hạo 1991, Lưu Vân Lăng 1992, Halliday 1998). Chúng tôi nghiêng theo ý kiến của Jackendoff cho rằng " tiêu điểm thông tin của câu" là "phần thông tin trong câu mà người nói giả định rằng nó không được người nói và người nghe cùng chia sẻ" (1972: 230). Hay nói cách khác, tiêu điểm thông tin là phần duy nhất trong cấu trúc thông tin của câu cho thấy sự chênh lệch về thông tin giữa người nói và người nghe, và vì vậy người nói cần cung cấp và người nghe cần tiếp nhận. Tiêu điểm thông tin có thể được nhận diện dựa

trên chức năng và hình thức biểu hiện của nó (xem thêm Nguyễn Hồng Cổn 2001, 2010).

3.1.2. Dựa theo chức năng chuyên biệt của chúng, có thể nhận diện và phân biệt 3 loại tiêu điểm thông tin:

a. *Tiêu điểm hỏi* biểu hiện thông tin người nói chưa biết hoặc biết không chắc chắn, còn người nghe đã biết hoặc có thể biết ở thời điểm nói:

8) *Anh tên là* ***gì*****?**

9) ***Ai*** *bảo anh đến đây*?

(Tiêu điểm thông tin là thành tố được in đậm)

b. *Tiêu điểm thuyết định* (còn gọi là tiêu điểm khẳng định) biểu thị thông tin người nói đã biết nhưng người nghe chưa biết ở thời điểm nói:

10) *Tôi tên là* ***Nam.*** (Trả lời câu hỏi 8)

11) ***Anh Nam*** *bảo tôi đến đây*. (Trả lời câu hỏi 9)

c. *Tiêu điểm tương phản* biểu thị thông tin người nói nắm được khác với thông tin mà người nghe biết ở thời điểm nói:

12) a. *Anh tên là Nam à*?

b. ***Không****, tôi tên là* ***Bắc****.*

13) a. *Ngày mai họ đến đây à*?

b. ***Không, ngày kia*** *họ mới đến.*

3.1.3. Tiêu điểm thông tin của câu tiếng Việt có thể được nhận diện bằng các hình thức hoặc thủ pháp sau đây:

(i) Dựa vào ngữ cảnh là các câu hỏi đi trước câu cần xác định tiêu điểm thông tin trong cặp thoại "hỏi - đáp" chính danh. Theo phương pháp này, nếu bộ phận nào của câu đáp trực tiếp trả lời cho câu hỏi, thì đấy chính là tiêu điểm thông tin của câu, ví dụ:

14) a. *Cháu đan áo cho* ***ai*** *thế*?

b. *Cháu đan áo cho* ***khách*** *cô ạ.*

15) a. ***Bao giờ*** *cậu đi*?

b. ***Ngày mai*** *tôi đi.*

(ii) Dùng các câu hỏi kiểm tra: được dùng khi câu cần xác định tiêu điểm thông tin không xuất hiện như câu là trả lời trong cặp thoại "hỏi -đáp". Các câu hỏi dùng để kiểm tra thường là các câu hỏi cầu khiến hoặc kiểm chứng thông tin chung và riêng:

16) a. (*Có chuyện gì vậy*?)

b. ***Nhà ông Tư bị mất trộm****.*

17) a. (*Chị làm sao thế*?)

b. *Tôi* ***nhức đầu quá.***

(iii) Căn cứ vào các phương tiện biểu hiện hiển ngôn của tiêu điểm thông tin như trọng âm câu (18), các trợ từ tiêu điểm (19), trật tự từ (20), các đại từ hoặc tiểu từ nghi vấn - áp dụng riêng cho tiêu điểm hỏi (21):

18) a. ***Nam*** *nói được tiếng Anh.*

b. *Nam* ***nói*** *được tiếng Anh.*

c. *Nam nói được* ***tiếng Anh****.*

19) a. *Chỉ có* ***Nam*** *nói được tiếng Anh.*

b. *Nam chỉ* ***nói*** *được tiếng Anh.*

c. *Nam chỉ nói được* ***tiếng Anh****.*

20) a. *Người duy nhất nói được tiếng Anh ở đây là* ***Nam.***

b. *Ở đây nói được tiếng Anh chỉ có* ***Nam****.*

21) a. *Anh muốn gặp* ***ai***?

b. *Hôm qua, cậu có* ***đi học*** *không*?

(iv) Căn cứ vào khả năng lược bỏ (tỉnh lược): tiêu điểm là thành tố quan trọng nhất về mặt thông tin nên nó là thành tố duy nhất trong cấu trúc thông báo không thể áp dụng phép tỉnh lược. Ví dụ:

22) a1. ***Ai*** *nói mà mày biết*?

b1. ***Thằng Hải*** *(nói).*

a2. *Nó nói* ***bao giờ****?*

b2. *(Nó nói)* ***hôm qua.***

Với tư cách là thành tố quan trọng nhất trong cấu trúc thông tin của câu, tiêu điểm thông tin có liên quan chặt chẽ đến việc đánh giá tính khả chấp của câu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

3.2. Vai trò của tiêu điểm thông tin đối với tính khả chấp của câu tiếng Việt

3.2.1. Trước hết có thể thấy vai trò của tiêu điểm thông tin đối với tính khả chấp của câu thể hiện qua việc lựa chọn các phát ngôn có trật tự từ khác nhau làm câu trả lời (câu đáp) cho một câu hỏi cụ thể. Quay trở lại ví dụ (1) ở trên, có thể thấy (1a) là một câu hỏi chính danh, có tiêu điểm hỏi được biểu hiện

bằng đại từ nghi vấn chỉ thời gian "bao giờ" ở vị trí cuối câu, còn (1b) và (1c), là các câu đáp đúng ngữ pháp (và không bị tỉnh lược) có thể có cho (1a). Tuy nhiên, theo ngữ cảm bình thường của người Việt có thể thấy rằng chỉ có (1b) là câu trả lời phù hợp cho (1a), còn (1c) thì khó được chấp nhận. Một câu hỏi đặt ra là tại sao đều là các câu đúng ngữ pháp nhưng (1b) thì khả chấp còn (1c) thì không khả chấp với tư cách là các câu đáp cho (1a) trong thực tế giao tiếp.

Để trả lời câu hỏi này, theo chúng tôi, cần phải dựa vào mối tương quan về vị trí giữa tiêu điểm thông tin giữa câu hỏi và câu đáp với tư cách là các lượt lời của một cặp thoại hỏi - đáp. Các công trình nghiên cứu về cấu trúc thông tin của câu tiếng Anh (Lambrecht 1994, Casielles - Suarez 2004) cho thấy trong tiếng Anh thường không có sự tương quan về vị trí của tiêu điểm giữa câu hỏi và câu đáp. Trong khi tiêu điểm hỏi luôn xuất hiện ở vị trí đầu câu, thì tiêu điểm của câu trả lời (tiêu điểm thuyết định hoặc tiêu điểm tương phản) xuất hiện chủ yếu ở vị trí cuối câu theo nguyên tắc "tiêu điểm cuối" (end - focus).

23) a. ***Where** did you see Peter?*

b. *I saw him **in the library**.*

24) a. ***What** do you need?*

b. *We need **more time**.*

c. *What we need is **more time.***

Trường hợp duy nhất có sự tương ứng về vị trí tiêu điểm giữa câu hỏi và câu đáp xảy ra khi hỏi về chủ ngữ của câu như ví dụ (25) dưới đây, nhưng tiếng Anh thường xử lí câu trả lời có tiêu điểm đầu như (như ở 25b) thành một câu có tiêu điểm cuối (như ở 25c) bằng một phép đảo trật tự:

25) a. ***Who** is your representative?*

b. ***John** is our representative.*

c. *Our representative is **John**.*

Ở tiếng Việt, tình hình có khác. Trong các cặp thoại hỏi đáp bình thường với trật tự chuẩn tắc (SVO), tiêu điểm thông tin của câu đáp thường có sự tương ứng về vị trí với tiêu điểm của câu hỏi, dù tiêu điểm hỏi rơi vào thành tố cú pháp nào, ví dụ:

- Tiêu điểm là đề/chủ ngữ:

26) a. ***Ai** bảo anh làm việc này* ?

b. *Dạ, **chủ tịch** bảo tôi làm ạ.*

- Tiêu điểm là thuyết/vị ngữ (+bổ ngữ)

27) a. *Họ **làm gì thế?***

b. *Họ **đang chuyển hàng.***

- Tiêu điểm là bộ phận của thuyết/trạng ngữ

28) a. *Họ chuyển hàng **đi đâu**?*

b. *Họ chuyển hàng **vào kho**.*

Ngay cả trường hợp câu hỏi có tiêu điểm hỏi ở đầu câu, thì ở câu đáp, tiêu điểm thông tin (được đánh dấu bằng một trọng âm tiêu điểm) vẫn có vị trí ở đầu câu khá tự nhiên, tương ứng với vị trí tiêu điểm hỏi. Chỉ khi cần nhấn mạnh hơn, người nói mới chuyển tiêu điểm thông tin từ vị trí đầu đến vị trí sau theo nguyên tắc "tiêu điểm cuối". Tuy nhiên sự chuyển đổi vị trí của tiêu điểm này thường kèm theo những thay đổi về cấu trúc câu (sử dụng phép danh hoá):

29) a. ***Ai** bảo anh làm việc này?*

b. *Người bảo tôi làm việc này là **chủ tịch.***

Những phân tích trên đây cho thấy, sự tương ứng về vị trí tiêu điểm thông tin giữa câu hỏi và câu đáp là một quy tắc dụng học cần tôn trọng trong hội thoại tiếng Việt, ngoại trừ biệt lệ như đã trình bày.

Đến đây, chúng ta có thể giải thích được vì sao trong ví dụ (1) ở đầu bài viết, câu đáp (1b) khả chấp còn (1c) lại không khả chấp khi trả lời cho câu hỏi (1a). Như đã nói ở trên, (1a) là một câu hỏi chính chính danh có đại từ nghi vấn về thời gian "bao giờ" ở vị trí cuối câu. Theo nguyên tắc tương ứng về tiêu điểm thông tin của các câu hỏi- đáp, câu hỏi (1a) đòi hỏi một câu đáp có tiêu điểm thông tin tương ứng về vị trí với tiêu điểm hỏi "bao giờ". Xét các câu đáp (1b) và (1c), chúng ta thấy chỉ có (1b) có trạng ngữ thời gian "hôm qua" vừa đáp ứng yêu cầu thông tin như một tiêu điểm thuyết định vừa có sự

tương ứng về vị trí với tiêu điểm hỏi của (1a), vì vậy nó là một câu đáp khả chấp của câu hỏi (1a). Còn với câu đáp (1c), mặc dù cũng có trạng ngữ thời gian "hôm qua" đáp ứng yêu cầu thông tin của một tiêu điểm thuyết định, nhưng lại có vị trí ở đầu câu, không tương ứng với vị trí của tiêu điểm hỏi "bao giờ" nên không thể trở thành tiêu điểm thông tin của một câu đáp. Vì vậy (1c) không phải là câu đáp khả chấp của (1a).

Hiện tượng khả chấp/bất khả chấp này không chỉ gặp ở cặp thoại hỏi - đáp có câu hỏi với tiêu điểm hỏi là đại từ nghi vấn "bao giờ" ở cuối câu như ở (1) mà cả ở nhiều cặp thoại khác hỏi - đáp khác (bên cạnh các cặp thoại 26-28 ở trên), chẳng hạn:

- Cặp thoại hỏi đáp về bổ ngữ gián tiếp:

30) a. *Em đưa quyển sách ấy* ***cho ai?***

b. *Em đưa quyển sách ấy* ***cho chị Lan***

*c. *Em đưa* ***cho chị Lan*** *quyển sách ấy.*

*d. ***Cho chị Lan****, em đưa quyển sách ấy.*

- Cặp thoại hỏi đáp về trạng ngữ thời gian (tương lai):

31) a. ***Bao giờ*** *anh đi Việt Nam?*

b. ***Tuần sau*** *tôi sẽ đi Việt Nam*

*c. *Tôi sẽ đi Việt Nam* ***tuần sau.***

(để nhấn mạnh có thể đặt trạng ngữ "tuần sau" ở vị trí cuối câu nhưng phải thêm giới từ "vào": *Tôi sẽ đi Việt Nam <u>vào</u> tuần sau*).

- Cặp thoại hỏi đáp về trạng ngữ địa điểm:

32) a. *Em học tiếng Việt* ***ở đâu?***

b. *Em học tiếng Việt* ***ở khoa Việt Nam học.***

*c. ***Ở khoa Việt Nam học*** *em học tiếng Việt.*

- Cặp thoại hỏi đáp về trạng ngữ phương tiện:

33) a. *Anh đến đây* ***bằng gì****?*

b. *Tôi đến đây bằng* ***xe buýt.***

*c. ***Bằng xe buýt*** *tôi đến đây.*

Có lẽ trường hợp duy nhất mà câu đáp có tiêu điểm thông tin không tương ứng với vị trí tiêu điểm hỏi của câu hỏi trong tiếng Việt là cặp thoại hỏi - đáp về trạng ngữ nguyên nhân, với tiêu điểm hỏi "vì/tại sao":

34) a. ***Vì sao*** *hôm qua em nghỉ học?*

b. *Hôm qua em nghỉ học* ***vì bị ốm.***

*c. *Hôm qua* ***vì bị ốm*** *nên em nghỉ học.*

3.2.2. Một bằng chứng khác về vai trò của tiêu điểm thông tin đối với tính khả chấp của câu biểu hiện qua việc lựa chọn các biến thể tỉnh lược làm câu trả lời cho một câu hỏi cụ thể. Trở lại các ví dụ 26-28 trên (được đánh số lại theo thứ tự mới là 35-37 ở dưới đây), chúng ta thấy, thay vì sử dụng các phát ngôn hoàn chỉnh về mặt ngữ pháp ở (b), người nói có thể lựa chọn các phát ngôn tỉnh lược ở (c) mà không thể lựa chọn các phát ngôn tỉnh lược ở (d) làm câu đáp cho các câu hỏi ở (a):

- Tiêu điểm là đề/chủ ngữ:

35) a. ***Ai*** *bảo anh làm việc này?*

b. ***Chủ tịch*** *bảo tôi làm việc này.*

c. ***Chủ tịch (…..)***

*d. (……..) *bảo tôi làm việc này.*

- Tiêu điểm là thuyết/vị ngữ (+ bổ ngữ):

36) a. *Họ* ***làm gì thế?***

b. *Họ* ***đang chuyển hàng.***

c. (….) ***đang chuyển hàng.***

*d. *Họ* (…...).

- Tiêu điểm là trạng ngữ:

38) a. *Họ chuyển hàng* ***đi đâu****?*

b. *Họ chuyển hàng* ***vào kho.***

c. (…………..) ***vào kho.***

*d. *Họ chuyển hàng* (….)

Điều gì khiến cho các phát ngôn tỉnh lược, không chuẩn tắc về ngữ pháp ở (c) lại trở thành các câu đáp khả chấp cho các câu hỏi tương ứng ở (a) , trong khi các phát ngôn tỉnh lược tương tự ở (d) lại không khả chấp? Câu trả lời có được dễ dàng khi chúng ta xét quan hệ về tiêu điểm thông tin của các câu (a-c) và (a-d) với tư cách là các cặp thoại hỏi

đáp: Các câu (c) biểu hiện tiêu điểm thông tin phù hợp với tiêu điểm hỏi của của các câu (a), vì vậy chúng là các câu đáp khả chấp của (a). Ngược lại, các câu (c) không biểu hiện tiêu điểm thông tin phù hợp với tiêu điểm hỏi của các câu (a), nên không phải là các câu đáp khả chấp của (a). Các ví dụ này cho thấy chức năng tiêu điểm thông tin là nhân tố quan trọng quyết định tính khả chấp của các câu tỉnh lược trong những tình huống giao tiếp cụ thể, bất chấp tính không hoàn chỉnh về mặt ngữ pháp của chúng.

4. Kết luận

Tóm lại, trong tiếng Việt đặc biệt là trong khẩu ngữ, tuỳ theo tình huống giao tiếp, có những câu (phát ngôn) đúng ngữ pháp nhưng không khả chấp, ngược lại có những câu không chuẩn tắc về mặt ngữ pháp lại được người nói và người nghe chấp nhận. Để đánh giá tính khả chấp của các câu như vậy cần phải dựa vào nhiều nhân tố ngữ nghĩa, ngữ dụng khác nhau, trong đó tiêu điểm thông tin của câu là một nhân tố quan trọng. Vai trò của của tiêu điểm thông tin đối với tính khả chấp của câu thể hiện qua sự lựa chọn các biến thể trật tự từ và biến thể tỉnh lược phù hợp với việc biểu hiện tiêu điểm thông tin của các câu cụ thể. Dưới áp lực của tiêu điểm thông tin mà các câu cụ thể có thể được coi là khả chấp hay không khả chấp trong những ngữ cảnh nhất định, độc lập tương đối với tính ngữ pháp của chúng. Hiểu được điều này, chúng ta có thể dễ dàng hướng dẫn và giải thích cho người học biết cách sử dụng câu/phát ngôn phù hợp với ngữ cảnh và tình huống giao tiếp.

** Bài viết này được Quỹ nghiên cứu của Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc tài trợ và đã được trình bày tại Hội thảo khoa học quốc tế "Formation of ASEAN Community and Unity through Diversity" do Trung tâm nghiên cứu Đông Nam Á, Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc tổ chức ngày 12/12/2014 tại Seoul, Hàn Quốc.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bauer, L., (2014), *Grammaticality, acceptability, possible words and large corpora.* Morphology, Volume 24, Issue 2, pp 83-103, Springer.

2. Cao Xuân Hạo, (1991), *Tiếng Việt: Sơ thảo Ngữ pháp chức năng*. KHXH, Tp. HCM.

3. Casielles - Suarez, E., (2004), *Syntax-Information structure interface: evidence from Spanish and English.* Routledge.

4. Chomsky, N., (1957), *Syntactic structures*. The Hague/Paris: Mouton

5. Dik S.C., (1981/89), *Functional srammar*. Foris. Third edition. Dordrecht.

6. Halliday M.A.K., (1998), *An ntroduction to functional grammar.* 2nd ed. Arnold, London.

7. Hudson Th.,Detmer E., Brown J.D. (1992), *A framework for testing cross-cultural pragmatics.* University of Hawai'I Press.

8. Lambrecht, K.,(1994), *Information structure and sentence form: Topic, focus, and the mental representations of discourse referents*. Cambridge University Press.

9. Van Dijk L., (1974), *Acceptability in context.* In Acceptability in Language, Greenbaum (Ed.), pp. 39-62. The Hague: Mouton.

10. Nguyễn Hồng Cổn, (2001), *Bàn thêm về cấu trúc thông báo của câu*. Ngôn ngữ, 5/2001.

11. Nguyễn Hồng Cổn, (2008), *Biến thể cú pháp và vấn đề dạy biến thể cú pháp cho người học tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai.* Ngôn ngữ, 6/2008.

12. Nguyễn Hồng Cổn, (2010), *Cấu trúc thông tin của câu tiếng Việt*. Đề tài NCKH cấp ĐHQG.